

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 77/2018/QĐDS-ST

Ngày: 09/5/ 2018

*“Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Hòa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 09/5/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2017, về việc *“Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2017 và Thông báo tiếp tục tiến hành phiên tòa số 96/2018/TB-TTPT ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1981, nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B: Luật sư Nguyễn Hữu Đ – Văn phòng Luật sư Nguyễn Đ; địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố P, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện P, tỉnh An Giang.

Bà Y, ông B, ông H và Luật sư Nguyễn Hữu Đ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y trình bày: Ông B có đến nhà bà chơi nhiều lần nên có quen biết nhau. Sau đó, ông B hỏi vay tiền của bà nhiều lần, mỗi lần vay ông B đều có viết biên nhận nợ. Khi ông B trả tiền thì bà trả lại biên nhận nợ cho ông B. Do ông B uy tín nên ngày 22/6/2016, ông B tiếp tục hỏi vay của bà số tiền 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng, thỏa thuận thời gian 03 tháng trả dứt nợ với lãi xuất 1,5%/tháng. Nhưng, kể từ khi vay số tiền 92.000.000 đồng đến nay thì ông B không đóng lãi, cũng như không trả vốn gốc. Nên, bà khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông B trả vốn gốc 92.000.000 đồng cộng với lãi 1,5%/tháng từ ngày 22 / 6 / 2016 cho đến khi thi hành án xong;

Quá trình tòa án tiến hành tố tụng, bị đơn ông B trình bày: ông thừa nhận toàn bộ nội dung trong “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 là do ông viết ký tên ghi họ tên Nguyễn Tấn B, cũng như ông tự ký tên ghi họ tên Nguyễn Tấn H, nhưng toàn bộ nội dung trong “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 là do bà Y đọc cho ông viết và ông B cho rằng chỉ vay của bà Đỗ Nguyễn Huỳnh Y số tiền 25.000.000 đồng vào năm 2014 vì có những tháng không đóng lãi từ năm 2014 nên đến ngày 22/6/2016 ông ghi “Giấy mượn tiền” với bà Y tổng số tiền vay là 92.000.000 đồng (trong đó vốn gốc là 25.000.000 đồng, số còn lại là tiền lãi cộng vào). Ông B đồng ý trả số tiền vay 25.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 92.000.000 đồng như bà Y yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, người vụ liên quan ông Nguyễn Tấn H trình bày: Ngày 22/6/2016 ông B viết giấy mượn tiền, thì ông hoàn toàn không có chứng kiến vụ việc; Nhưng, ông có nộp tiền lãi do ông B trả vào tài khoản của bà Y 02 lần tại ngân hàng ACB và đóng lãi nhiều lần tại quán cà phê, những lần ông (H) nộp tiền lãi vào tài khoản của bà Y tại ngân hàng, cũng như đóng lãi nhiều lần tại quán cà phê là trước khi ông B viết giấy mượn tiền bà Y số tiền 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng vào ngày 22 / 6 / 2016;

Nhằm, bảo vệ quyền và ích hợp pháp của các đương sự, tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ; Đồng thời thông báo cho ông B cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng ông B không cung cấp được. Do lời khai của đương sự mâu thuẫn nên tòa án tiến hành đối chất giữa các đương sự trong vụ án;

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự không thống nhất nhau về cách thức giải quyết vụ án nên hòa giải không thành;

Tại phiên tòa:

Bà Y yêu cầu tòa án buộc ông B có trách nhiệm trả số tiền vốn gốc 92.000.000 (chín mươi hai triệu) đồng cộng với lãi theo quy định kể từ ngày 22/6/2016 cho đến khi ông B trả dứt nợ, đồng thời duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23 tháng 01 năm 2017 cho đến khi thi hành án xong;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H trình bày: xác định số tiền 92.000.000đồng là cộng dồn từ số tiền ông B Vay 25.000.000đồng, qua thể hiện giấy mượn tiền đề ngày 15/10/2014 và bà Y thừa nhận giấy mượn tiền này có chữ viết của bà, giấy mượn tiền này cũng thể hiện 02 lần không đóng lãi 4.000.000đồng và 6.000.000đồng, điều đó chứng tỏ lãi suất là 10%/tháng. Do, ông B không đóng lãi cho đến ngày 22/6/2016 mới viết giấy mượn tiền, nhưng thực tế không nhận số tiền 92.000.000đồng; người làm chứng là ông H, nhưng ông H không có ký tên nên giấy mượn tiền ngày 22/6/2016 không hợp pháp. Do đó, ông B không có nghĩa vụ trả số tiền 92.000.000đồng cho bà Y, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải tỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01 và trừ lại tiền lãi ông B đã đóng vào vốn gốc 25.000.000đồng;

Bị đơn ông B cho rằng ông đã đóng lãi cho bà Y nhiều lần từ năm 2014 với phương thức là đưa tiền tại quán cà phê hoặc nộp vào tài khoản của bà Y tại ngân hàng, nhưng những lần đóng lãi là trước ngày ông B viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 nợ bà Y số tiền 92.000.000đồng; Đối với số tiền 2.700.000đồng là do ông đóng lãi cho bà Y của khoản vay trước đó. Nhưng thật sự, ông chỉ vay của bà Y số tiền 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng nên ông nhận trách nhiệm trả cho bà Y số tiền 25.000.000đồng và lãi suất theo quy định.

Ông H: cho rằng, ông có đóng lãi cho bà Y thay ông B với hình thức nộp vào tài khoản ngân hàng và đưa tiền trực tiếp tại quán cà phê, nhưng những lần đưa đóng lãi cho bà Y là trước khi ông B viết “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016; Việc ông B viết giấy mượn tiền là không có ông chứng kiến, nên ông không có ký tên, ghi họ tên vào giấy mượn tiền ngày 22/6/2016;

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Tòa án tiến hành lập hồ sơ đúng theo quy định tại Điều 198 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Việc xác định tư cách pháp lý tham gia tố tụng của nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng với quy định tại Điều 26, Điều 68 Bộ Luật Tố tụng dân sự(BLT TDS);

Tòa án xác định vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng Vay tài sản; quá trình giải quyết vụ án, tòa án tiến hành hòa giải, lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, đối chất, hòa giải đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 98, 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS;

Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy giữa bà Y với ông B có giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản, theo hợp đồng vay ông B mượn của bà Y số tiền 92.000.000đồng vào ngày 22/6/2016, ông B thừa nhận chữ viết ký tên ghi họ tên Nguyễn Tấn B, Nguyễn Tấn H là của ông viết và ký tên. Nhưng ông B cho rằng chỉ vay số tiền 25.000.000đồng, số tiền còn lại là cộng lãi vào vốn gốc. Tuy nhiên, ông B không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho tòa án về ý kiến trình bày của ông. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Bà Y có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông B trả tiền số tiền vay 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng và lãi suất kể từ ngày 22/6/2016 cho đến khi trả dứt nợ. Xét, đây là tranh chấp dân sự phát sinh từ hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ông B có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, bà Y đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016;

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015 thì “*Giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật này*”. Giữa bà Y với bà B có giao dịch dân sự, việc giao dịch giữa các bên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; về hình thức giao dịch phù hợp với Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để xem xét, giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, Về hình thức hợp đồng: Hợp đồng giữa bà Y và ông B là hợp đồng dân sự về vay tài sản được thể hiện tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016. Hợp đồng vay tài sản không bắt buộc cụ thể về hình thức hợp đồng, tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*”. Vì vậy, “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 là hình thức hợp đồng bằng văn bản nên không vi phạm về hình thức hợp đồng.

[2.2] Xét, về nội dung hợp đồng: Giữa ông B với bà Y có ký hợp đồng vay tài sản (tiền) được thể hiện bằng văn bản là “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 với số tiền trong hợp đồng vay là 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên giao kết hợp đồng.

Ông B thừa nhận “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 22/6/2016 là do ông viết, chữ ký tên ghi họ tên Nguyễn Tấn B và Nguyễn Tấn H đều do ông viết và ký tên, việc viết giấy mượn nợ không có ông H chứng kiến, nhưng nội dung là do bà Y

đọc cho ông Viết. Tuy nhiên, ông B cho rằng vay tiền của bà Y từ năm 2014 và chỉ vay có 25.000.000(Hai mươi lăm triệu)đồng và đã đóng lãi cho bà Y nhiều lần với phương thức nộp tiền trực tiếp vào tài khoản của bà Y tại ngân hàng và giấy nộp tiền đã cung cấp hết cho tòa án, có lần ông đưa trực tiếp cho bà Y tại quán cà phê. Do ông ngưng không tiếp tục đóng lãi nên ngày 22/6/2016, bà Y đọc cho ông viết giấy mượn tiền với số tiền 92.000.000đồng là cộng dồn vốn gốc và lãi. Bà Y cho rằng có cho ông B vay nhiều lần từ năm 2014, do ông B đóng lãi, trả vốn gốc đầy đủ nên bà đã trả lại các giấy mượn tiền trước đó, đối với số tiền 92.000.000đồng là ông B vay đến nay chưa trả. Ông B là người đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, biết chữ. Do đó, việc ông viết và ký giấy mượn tiền đề ngày 22/6/2016 là thể hiện ý chí tự nguyện của mình.

Tại biên bản đối chất ngày 31/10/2017, ông B thừa nhận “Giấy mượn tiền” đề ngày 22/6/2016 do ông viết, trong khi viết không có ông H chứng kiến, việc ký tên ghi họ Nguyễn Tấn H là do ông viết và ký tên; bà Y không thừa nhận bà đã đọc nội dung cho ông B Viết; ông B khai nhận đã nhiều lần đóng lãi cho bà Y với phương thức nộp tiền vào tài khoản của bà Y tại ngân hàng nhưng đều trước khi ông viết “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 22/6/2016 với bà Y, đối với số tiền 2.700.000đồng đóng lãi sau khi viết giấy mượn tiền, nhưng trả lãi của khoản vay trước đó; bà Y thừa nhận ông B có nộp tiền vào tài khoản của bà là trả tiền của những lần vay trước đó, tức là trước khi ông B viết “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 22/6/2016 nên không liên quan đến việc ông mượn số tiền 92.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 22/6/2016;

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Tòa án đã thông báo yêu cầu ông B cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến trình bày của mình là có căn cứ, nhưng ông B không cung cấp được. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, tòa án ra quyết định yêu cầu phía ngân hàng giao nộp tài liệu, chứng cứ về việc ông B, ông H đã nộp vào tài khoản của bà Y tại ngân hàng, theo đó các tài liệu, chứng cứ do phía ngân hàng cung cấp xác định ông B có nộp tiền vào tài khoản của bà Y nhưng đều thể hiện trước khi ông B viết “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 22/6/2016;

Từ những vấn đề chứng trên Hội đồng xét xử thống nhất không có đủ cơ sở xác định ông B mượn 92.000.000đồng của bà Y theo “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 22/6/2016 là được cộng dồn những lần vay từ năm 2014. Do đó, việc ông B yêu cầu trừ tiền lãi đã trả vốn gốc là không có cơ sở chấp nhận;

Tại khoản 1 Điều 278 và Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015(BLDS) quy định: “*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”

Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1*

Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này”;

Xét về yêu cầu tính lãi: Tại hợp đồng vay tài sản ngày 22/6/2016, thì giữa ông B với bà Y không thỏa thuận lãi suất vay, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông B cho rằng vay với lãi suất 10%/tháng, còn bà Y cho rằng cho vay chỉ có 1,5%/tháng, tòa án tiến hành đối chất, nhưng các đương sự không thống nhất với nhau về lãi suất cho vay. Mặc dù, các đương sự không thống nhất về lãi suất cho vay, nhưng đều thừa nhận hợp đồng vay tiền là có thỏa thuận về lãi suất;

Tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Khoản 1: “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận; Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”.

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”

Từ những diện dẫn trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc ông B phải có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền vay là 92.000.000 (Chín mươi hai triệu) đồng và lãi suất từ ngày 22/6/2016 đến ngày 09/5/2018 được tính cụ thể là $(92.000.000 \times 10\%) \times 685/365 = 17.265.000$ đồng. Tổng cộng ông B phải có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền là 109.265.000 (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với việc ông B yêu cầu thu hồi Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23/01/2017 và khấu trừ tiền lãi đã nộp cho bà Y. Xét thấy, cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông B.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23 tháng 01 năm 2017 cho đến khi thi hành án xong;

[3] Về án phí sơ thẩm:

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm;

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 26, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Pháp lệnh 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc ông B có trách nhiệm trả cho bà Y 109.265.000 (Một trăm lẻ chín triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn) đồng; trong đó vốn gốc 92.000.000đồng, lãi 17.265.000đồng;

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/KCTT ngày 23 tháng 01 năm 2017 cho đến khi thi hành án xong;

Về án phí:

Bà Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Y 2.300.000đ (Hai triệu, ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0013372 ngày 23/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú;

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.463.000(Năm triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn) đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THA.DS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức